

Bản án số: **09/2025/HNGĐ - ST**
Ngày: 12/8/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Ánh Ngọc.**

Bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Điện Biên).

2. Bị đơn: Anh **Lê Ngọc L**; sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Điện Biên).

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc L có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã S, tỉnh Điện Biên) vào ngày 09/01/2017, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bản thân chị T đã cố gắng rất nhiều nhưng vẫn không giải quyết được mọi mâu thuẫn, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị T đã làm đơn khởi

kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc L có 01 con chung là cháu Lê Như N; sinh ngày 12/11/2017. Hiện cháu đang sinh sống cùng chị T. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Như N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải bị đơn anh Lê Ngọc L trình bày:***

1. Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Điện Biên) vào ngày 09/01/2017, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh L đã sai lầm khi vay mượn, nợ nần rất nhiều tiền mà không có khả năng trả nợ đến thời điểm hiện tại, trong khi đó vợ chồng lại hiểu lầm nhau về các mối quan hệ khác, dẫn đến mâu thuẫn không thể hoà giải được. Nay chị T khởi kiện ly hôn với anh L, nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong vợ quay lại để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy anh L không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ.

2. Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung là cháu Lê Như N; sinh ngày 12/11/2017. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn với anh thì anh L có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Như N; sinh ngày 12/11/2017 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung, nợ riêng:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã tiến hành hòa giải 02 lần tại Tòa án, nhưng lần hoà giải nào cũng không thành, sau đó chị T đã có đơn gửi Tòa án với nội dung không yêu cầu Tòa án hòa giải tiếp đối với vợ chồng chị, vì xét thấy mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng đã trầm trọng, có hòa giải nữa cũng không thể quay về đoàn tụ.

Ngày 30/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay các đã được triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn,

yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chi đã trình bày. Bị đơn anh Lê Ngọc L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh L trình bày: Xét thấy tình cảm hôn nhân không thể hàn gắn được vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T và đồng ý để chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Như N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh L không có ý kiến gì khác. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của vợ chồng anh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07/7/2025, chị Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đối với anh Lê Ngọc L có địa chỉ tại Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Điện Biên). Ngày 10/7/2025, chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc L kết hôn năm 2017 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Điện Biên). Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh L đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai, đơn xác nhận tình trạng hôn nhân và tại các phiên hoà giải chị T nói rằng chị đã rất cố gắng trong cuộc sống nhưng mọi cố gắng của chị đều không giải quyết được các mâu thuẫn của hai vợ chồng trong bao năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, qua nhiều lần Toà án hoà giải nhưng không thành. Vì vậy, chị T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải cho vợ chồng anh chị, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Về phía anh L, tại bản tự khai cũng như tại các phiên hoà giải anh cũng thừa nhận rằng mọi mâu thuẫn của vợ chồng cũng đều xuất phát từ vấn đề tiền bạc, do anh L sai lầm vì vay mượn, nợ nần rất nhiều tiền mà không có khả năng trả nợ đến thời điểm hiện tại, trong khi đó vợ chồng lại hiểu lầm nhau về các mối quan hệ khác, dẫn đến mâu thuẫn không thể hoà giải được nhưng anh vẫn không nhất trí ly hôn, muốn quay về đoàn tụ để cùng chị T nuôi dạy con chung. Sau đó anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh L trình bày: Xét thấy tình cảm hôn nhân của vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T và đồng ý để chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Như N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh L không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung; về nợ chung, nợ riêng anh cũng không yêu cầu Toà án giải quyết. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh chị tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho cho chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc L có 01 con chung là cháu Lê Như N; sinh ngày 12/11/2017. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Như N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Xét thấy cháu Lê Như N còn nhỏ lại là con gái, rất cần mẹ chăm sóc, hơn thế nữa cháu N cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng với mong muốn được ở cùng với mẹ đẻ là chị T. Vì vậy, HĐXX thấy rằng việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. HĐXX căn cứ Điều 69, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Như N cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh L có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T.

[3/ Về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[4/ Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Lê Ngọc L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Như N; sinh ngày 12/11/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000388 ngày 10/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ Nguyễn Thị T với anh Lê Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV2-ĐB;
- UBND xã Sam Mứn,
tỉnh ĐB (nơi đăng ký KH);
- Phòng THADSKV2TĐB;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Chấn, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

